

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HC-PT

Ngày 13 – 01 – 2021

V/v khiếu kiện quyết định xử phạt
vi phạm hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Võ Văn Khoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 87/2020/TLPT-HC ngày 17 tháng 01 năm 2020 về khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 1433/2019/HC-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3881/2020/QĐ-PT ngày 19 tháng 10 năm 2020; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Dương Thị Ngọc T, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 35/22B đường L, Phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (*vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 28/3/2019): Ông Nguyễn Đạt T, sinh năm 1965; địa chỉ: E4/1C Đường N, Khu phố 5, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; (*có mặt*).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 391/UQ-UBND ngày 01/02/2019): Ông Nguyễn Văn Tài - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B; (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Bà Phan Thị Bảo Châu - Phó Trưởng Phòng Quản lý đô thị huyện Bình Chánh, *(có mặt)*.

+ Bà Trương Hồng Vân – Chuyên viên Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện B, *(có mặt)*.

- *Người kháng cáo:*

+ Người khởi kiện bà Dương Thị Ngọc T.

+ Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện Dương Thị Ngọc T do ông Nguyễn Đạt T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Dương Thị Ngọc T là người có quyền sử dụng đất, thửa đất số 129, tờ bản đồ số 49 (BĐĐC/2004), diện tích 3.624,4m² tại xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI535661, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00413/7013939 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Bình Chánh cấp ngày 12/6/2007.

Nguồn gốc thửa đất này là của ông Trần Long Hưng chuyển nhượng lại cho ông Trần Đế Vương vào năm 2007. Ông Vương chuyển nhượng lại cho bà Trần Thị Minh Trang vào năm 2008. Bà Minh Trang chuyển nhượng lại cho bà Dương Thị Ngọc T vào năm 2017.

Vào khoảng năm 2006, ông Trần Long Hưng đã lập vườn, trồng cây ăn trái trên phần đất này và xin cất chòi giữ vườn và được UBND xã An Phú Tây chấp thuận. Hiện nay, bà Dương Thị Ngọc T chỉ cải tạo, sửa chữa những gì có sẵn trên phần đất chứ không xây dựng gì mới.

Theo Biên bản xác minh của Tổ nghiệp vụ thuộc UBND xã An Phú Tây ngày 05/01/2017 có nội dung: Đề xuất tổ nghiệp vụ: Thuận cho Bà T được sửa chữa chòi giữ vườn, chòi chăn nuôi, coi mái, nâng nền, kết cấu và diện tích theo biên bản xác minh và giấy đăng ký của chủ đầu tư ngày 28/12/2016. Vị trí sửa chữa, cải tạo: Tương ứng thửa 129, 641, 645, tờ bản đồ số 49 (BĐĐC). Kết cấu (hiện trạng): Chòi giữ vườn: cột sắt, vách gạch cao 2.5m + tole, mái tole và Chòi

chăn nuôi: cột BT, vách gạch cao 1.2m + không vách, mái lá. Diện tích: Chòi giữ vườn 4.0m x 10.0m = 40.0m² và Chòi chăn nuôi 85.0m². Tình trạng nhà đất: Không tranh chấp, nhà xây năm 2006. Chiều cao nhà: 4.0m. Ý kiến thường trực Ủy ban: Thống nhất theo đề xuất, sửa chữa nguyên hiện trạng, không thay đổi kết cấu.

Ngày 18/4/2018, Chủ tịch UBND huyện Bình Chánh ban hành Quyết định số 126/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Dương Thị Ngọc T là không đúng quy định. Bởi vì:

Bà T không tổ chức thi công xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ tại đô thị không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng, mà Bà T chỉ sửa chữa lại chòi giữ vườn.

Bà T không tự ý chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp (CLN-Đất trồng cây lâu năm) sang đất phi nông nghiệp mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép, mà Bà T chỉ sửa chữa lại chòi giữ vườn, chòi giữ vườn này có diện tích 40m² tồn tại từ năm 2006 cho đến nay và được UBND xã An Phú Tây cho phép cất, theo đơn xin cất chòi giữ vườn ngày 10/4/2006 của ông Trần Long Hưng.

Xử phạt hành chính với số tiền phạt là: 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) theo điểm b khoản 5 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ là không đúng. Vì tại Điều 1 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng: Không có chòi giữ vườn.

Xử phạt Bà T 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) theo điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là không đúng. Vì Bà T không có tự ý chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp (CLN-Đất trồng cây lâu năm) sang đất phi nông nghiệp mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép mà chòi giữ vườn này tồn tại từ năm 2006 cho đến ngày hôm nay.

Quyết định số 126/QĐ-XPVPHC xác định địa chỉ công trình vi phạm trên ba thửa đất gồm: Một phần thửa 129, 641, 645 tờ bản đồ số 49 (tài liệu BĐĐC) là không đúng. Công trình chòi giữ vườn chỉ nằm trên một thửa đất là thửa số 129, tờ bản đồ số 49 (tài liệu BĐĐC).

Từ những căn cứ trên, bà Dương Thị Ngọc T đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 126/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện Bình Chánh về xử phạt vi phạm hành chính đối với Bà T.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B do ông Nguyễn Văn Tài – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

- Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 126/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện Bình Chánh:

Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC do UBND xã An Phú Tây lập ngày 31/3/2018 tại một phần các thửa đất số 129, 641, 645, tờ bản đồ số 49-BĐDC, tổ 2, ấp 2, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC nêu trên ghi nhận người vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm và không có ký vào Biên bản. Biên bản này có chữ ký của hai người chứng kiến; đồng thời có xác nhận của UBND xã An Phú Tây.

Công văn số 735/UBND ngày 31/3/2018 của UBND xã An Phú Tây về kiến nghị Chủ tịch UBND huyện Bình Chánh ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng đối với bà Dương Thị Ngọc T tại tổ 2, ấp 2, xã An Phú Tây.

Các văn bản liên quan đến việc xác minh tình tiết vụ việc vi phạm gồm: Biên bản ngày 09/4/2018 của Phòng Quản lý đô thị về nội dung làm việc với Phòng Tài nguyên và Môi trường, Biên bản xác minh ngày 06/4/2018 và Công văn số 786/UBND ngày 06/4/2018 của UBND xã An Phú Tây về việc đề xuất xử phạt vi phạm hành chính.

Tờ trình số 2855/TTr-QLĐT-CPXD ngày 11/4/2016 của Phòng Quản lý đô thị huyện Bình Chánh về việc đề xuất Chủ tịch UBND Huyện ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Dương Thị Ngọc T.

Ngày 18/4/2018, Chủ tịch UBND huyện Bình Chánh ban hành Quyết định số 126/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Dương Thị Ngọc T.

- Về căn cứ quy định pháp luật về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, được quy định tại:

Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ và Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành;

Căn cứ khoản 2 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “*Biên bản vi phạm hành chính phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản, họ, tên, chức vụ người lập biên bản; họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm*

xảy ra vi phạm; hành vi vi phạm; biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý tình trạng tang vật, phương tiện bị tạm giữ; lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, lời khai của họ, quyền và thời hạn giải trình về vi phạm hành chính của người vi phạm hoặc đại diện của tổ chức vi phạm; cơ quan tiếp nhận giải trình.

Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào Biên bản thì Biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến”.

Căn cứ khoản 1 Điều 67 Luật Xử lý vi phạm hành chính, quy định ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính: “1. Trường hợp một cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính mà bị xử phạt trong cùng một lần thì chỉ ra 01 quyết định xử phạt, trong đó quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm hành chính”.

Áp dụng theo mẫu Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành;

Như vậy, căn cứ quy định nêu trên, Chủ tịch UBND huyện Bình Chánh ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 126/QĐ-XPHC ngày 18/4/2018 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

- Về nội dung Quyết định:

Hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng của người vi phạm được xác lập theo Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC do UBND xã An Phú Tây lập lúc 14 giờ 00 phút ngày 31/3/2018 và tại Biên bản xác minh ngày 06/4/2018 của UBND xã An Phú Tây, bà Dương Thị Ngọc T đã thực hiện các hành vi vi phạm hành chính gồm:

Tổ chức thi công xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ tại đô thị không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng. Cụ thể: Kết cấu: Cột gạch, vách gạch + tole, mái tole, diện tích vi phạm: $5\text{m} \times 8\text{m} = 40\text{m}^2$. Hiện trạng: Đang thi công.

Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp (CLN - Đất trồng cây lâu năm) sang đất phi nông nghiệp mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép, diện tích vi phạm: $5\text{m} \times 8\text{m} = 40\text{m}^2$.

Tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính, người vi phạm đã chuyển mục đích sử dụng đất mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho

phép (chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp (CLN - Đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp) để tổ chức thi công xây dựng công trình tại một phần các thửa đất số 129, 641, 645, tờ bản đồ số 49 (BĐĐC), tổ 2, ấp 2, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, có mục đích sử dụng đất là đất nông nghiệp (CLN-Đất trồng cây lâu năm) được xác định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00413/7013939 ngày 12/6/2007, số 00624/7013939 ngày 14/3/2008 và số H00724/7013939 ngày 31/7/2008 do UBND huyện Bình Chánh cấp.

Do đó, tại Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC do UBND xã An Phú Tây lập lúc 14 giờ 00 phút ngày 31/3/2018, xác định bà Dương Thị Ngọc T đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 5 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ và điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ.

- Về hình thức phạt chính (phạt tiền).

Căn cứ khoản 3 Điều 4 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở, quy định:

“3. Mức phạt tiền quy định tại Nghị định này là mức phạt áp dụng đối với tổ chức (trừ mức phạt quy định tại điểm a khoản 1, điểm a và điểm b khoản 2, điểm a và điểm b khoản 3, điểm a và điểm b khoản 4, điểm a và điểm b khoản 5, khoản 7, điểm a và điểm b khoản 8, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 15; khoản 1 Điều 23; điểm a khoản 1, điểm a và điểm b khoản 2, điểm a và điểm b khoản 3 Điều 30; khoản 1 Điều 58; điểm a khoản 3 Điều 63, Điều 64; khoản 1 (trừ điểm e) Điều 66 Nghị định này là mức phạt áp dụng đối với cá nhân). Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với cá nhân bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức”.

Đối chiếu với khung tiền phạt áp dụng cho hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ về xử phạt vi phạm quy định về trật tự xây dựng đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng: *“b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị”*

Về hình thức phạt chính (phạt tiền), hành vi vi phạm hành chính của bà Dương Thị Ngọc T quy định điểm b khoản 5 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ về xử phạt vi phạm quy định

về trật tự xây dựng, áp dụng theo mức phạt tiền đối với cá nhân là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 4 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, quy định:

"3. Khung phạt tiền quy định tại Chương II của Nghị định này là khung phạt tiền áp dụng cho cá nhân, trừ các trường hợp quy định tại các Điều 15, 16, 17, 18, 19, khoản 3 Điều 21, Điều 22, Điều 23, khoản 2 Điều 25, Điều 26 và Điều 30 của Nghị định này là khung phạt tiền áp dụng cho tổ chức.

4. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân".

Đối chiếu với khung tiền phạt áp dụng cho hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với hành vi chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp: *"a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép dưới 0,5 héc ta;"*

Về hình thức phạt chính (phạt tiền), hành vi vi phạm hành chính của bà Dương Thị Ngọc T quy định điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, áp dụng theo mức phạt tiền đối với cá nhân là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Căn cứ quy định tại Điều 70, Điều 77 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ và Điều 31 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ khoản 4 Điều 52 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

4. Trường hợp xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được xác định theo nguyên tắc sau đây:

a) Nếu hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với từng hành vi đều thuộc thẩm quyền của người xử phạt vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt vẫn thuộc người đó;

b) Nếu hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền của người xử phạt vi phạm hành chính thì người đó phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt;

c) Nếu hành vi thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của nhiều người thuộc các ngành khác nhau, thì thẩm quyền xử phạt thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xử phạt nơi xảy ra vi phạm”.

- Về biện pháp khắc phục hậu quả:

Áp dụng khoản 1 Điều 3 về nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính “a) Mọi vi phạm hành chính phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh, mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật”

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định các biện pháp khắc phục hậu quả bao gồm:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;

b) Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép”,

Căn cứ điểm d khoản 11 Điều 15 của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định biện pháp khắc phục hậu quả buộc tháo dỡ phần diện tích công trình vi phạm xây dựng không có giấy phép xây dựng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ và căn cứ điểm a khoản 3, Điều 8 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm.

Do đó, căn cứ theo quy định nêu trên thì biện pháp khắc phục hậu quả nêu tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 126/QĐ-XPHC ngày 18/4/2018 là áp dụng đúng theo quy định theo Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính và đúng với nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính là mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 26/4/2018, Đội Quản lý trật tự đô thị phối hợp với UBND xã An Phú Tây tiến hành giao Quyết định số 126/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2018 của UBND huyện Bình Chánh cho bà Dương Thị Ngọc T nhưng bà Dương Thị Ngọc T không có mặt tại địa chỉ vi phạm để nhận Quyết định nêu trên, Đội Quản lý trật tự đô thị đã niêm yết Quyết định theo quy định (Biên bản giao quyết định ngày 26/4/2018, Biên bản niêm yết ngày 29/5/2018, Biên bản kết thúc niêm yết ngày 19/6/2018 của Đội Quản lý trật tự đô thị huyện).

Từ những cơ sở nêu trên, đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 126/QĐ-XPHC ngày 18/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện Bình Chánh, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Ngọc T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 1433/2019/HC-ST ngày 21/10/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Ngọc T.

- Hủy một phần (khoản 3 Điều 1) Quyết định số 126/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về phần xử phạt tiền đối với bà Dương Thị Ngọc T.

- Bác yêu cầu của bà Dương Thị Ngọc T về yêu cầu hủy phần biện pháp khắc phục hậu quả buộc tháo dỡ công trình vi phạm trong Quyết định số 126/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

- Bác yêu cầu của bà Dương Thị Ngọc T về yêu cầu hủy Quyết định số 559/QĐ-SĐXPVPHC ngày 14/8/2019 về sửa đổi bổ sung quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 01/11/2019, người khởi kiện bà Dương Thị Ngọc T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận các yêu cầu của bà Dương Thị Ngọc T như sau: Yêu cầu hủy phần biện pháp khắc phục hậu quả buộc tháo dỡ công trình vi phạm trong Quyết định số 126/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B và yêu cầu hủy Quyết định số 599/QĐ-SĐXPVPHC ngày 14/8/2019 về sửa đổi, bổ sung quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Ngày 06/11/2020, người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Bình Chánh có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản sơ thẩm theo hướng hủy phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên xử: *Hủy một phần (khoản 3 Điều 1) Quyết định số 126/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.*

Ngày 30/10/2010, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 603/QĐ-VKS-HC đối với một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 1433/2019/HC-ST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Ngọc T, hủy phần xử phạt tiền 25.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ ở đô thị không có giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 15

Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ là không căn cứ. Vì có đủ cơ sở xác định công trình xây dựng của bà Dương Thị Ngọc T là công trình xây dựng có công năng là để ở được quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật Nhà ở năm 2014, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định công trình này không phải là nhà ở mà là công trình khác để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà T như trên là chưa phù hợp. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định: “Lẽ ra Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B căn cứ điểm a khoản 5 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP để xử phạt bà Dương Thị Ngọc T nhưng lại căn cứ điểm b khoản 5 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP để xử phạt bà Dương Thị Ngọc T 25.000.000 đồng”. Nhưng phần tuyên án lại không buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B phải thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo hướng phân tích trên (sau đây gọi tắt là kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện bà Dương Thị Ngọc T, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Đạt T tham gia phiên tòa trình bày, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Bình Chánh, có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa trình bày yêu cầu kháng cáo của người bị kiện là kháng cáo đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên xử: Hủy một phần (khoản 3 Điều 1) Quyết định số 126/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B. Theo đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Ngọc T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Bình Chánh trình bày:

Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC do UBND xã An Phú Tây lập lúc 14 giờ 00 phút ngày 31/3/2018 và Biên bản xác minh ngày 06/4/2018 của UBND xã An Phú Tây đã có nội dung thể hiện việc bà Dương Thị Ngọc T đã thực hiện các hành vi vi phạm hành chính về trật tự xây dựng. Công trình mà Bà T tổ chức thi công xây dựng không có giấy phép xây dựng trên đất nông nghiệp (CLN- Đất trồng cây lâu năm) là công trình xây dựng có công năng để ở được quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật Nhà ở năm 2014, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định công trình này không phải là nhà ở mà là công trình khác để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà T về phần này là không đúng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện Bình Chánh và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân

Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tiến hành tổ tụng giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng Hành chính.

Về kháng cáo của người khởi kiện bà Dương Thị Ngọc T, kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Bình Chánh và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong Hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, có đủ cơ sở xác định việc bà Dương Thị Ngọc T tổ chức thi công xây dựng không có giấy phép xây dựng trên đất nông nghiệp (CLN- Đất trồng cây lâu năm) là hành vi vi phạm hành chính về trật tự xây dựng và công trình này là công trình xây dựng có công năng để ở được quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật Nhà ở năm 2014. Qua đó thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định công trình Bà T đã tổ chức thi công xây dựng nêu trên không phải là nhà ở mà là công trình khác để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà T về phần này là không đúng, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của Bà T; chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện Bình Chánh và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Dương Thị Ngọc T, cùng đơn kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Bình Chánh và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đều hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Bình Chánh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 của Luật tố tụng Hành chính, như sau:

[1] *Về tố tụng:*

Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Xét trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định số 126/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện Bình Chánh về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Dương Thị Ngọc T (Quyết định số 126/QĐ-XPVPHC) và ban hành Quyết định số 559/QĐ-SDXPVPHC ngày 14/8/2019 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 126/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện Bình Chánh (Quyết định số 559/QĐ-SDXPVPHC):

Bà Dương Thị Ngọc T nhận chuyển nhượng từ bà Trần Thị Minh Trang 3 thửa đất trồng cây lâu năm gồm thửa 129 diện tích 3.624,4m², thửa 641 diện tích 111,8m² và thửa 645 diện tích 286,8m², tờ bản đồ số 49 (BĐĐC/2004) tại xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng chuyển nhượng được Công chứng viên Văn phòng Công chứng Sài Gòn công chứng ngày 19/6/2017; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bình Chánh cập nhật biến động trên trang bổ sung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/6/2017. Tại giấy chứng nhận, thửa đất số 129, tờ bản đồ số 49 (BĐĐC/2004) “không công nhận vật kiến trúc có trên đất”; tại giấy chứng nhận, thửa đất số 641, 645 tờ bản đồ số 49 (BĐĐC/2004) không thể hiện vật kiến trúc. Thực tế tại thửa đất số 129 khi bà Dương Thị Ngọc T nhận chuyển nhượng từ bà Trần Thị Minh Trang đã tồn tại công trình xây dựng cột sắt, vách gạch cao 2.5m + tole, mái tole, diện tích 4.0m x 10.0m = 40.0m². Trước khi chuyển nhượng cho bà Dương Thị Ngọc T, ngày 28/12/2016 bà Trần Thị Minh Trang đã làm Giấy đăng ký xây dựng, sửa chữa, cải tạo công trình có nội dung sửa chữa công trình xây dựng với hình thức nâng nền, nâng mái được Thường trực Ủy ban nhân dân xã An Phú Tây thống nhất theo đề xuất của Tổ nghiệp vụ là sửa chữa nguyên hiện trạng không thay đổi kết cấu, nhưng bà Minh Trang chưa tiến hành sửa chữa. Sau khi nhận chuyển nhượng, ngày 01/02/2018 bà Dương Thị Ngọc T làm đơn xin sửa chữa nhà ngấp dột có nội dung đề nghị được sửa chữa công trình xây dựng diện tích 40m² (4m x 10m) thành công trình xây dựng diện tích: 5m x 8m = 40m², đơn này không được UBND xã An Phú Tây chấp thuận.

Tuy nhiên, theo Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC do UBND xã An Phú Tây lập lúc 14 giờ 00 phút ngày 31/3/2018 (Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC) và tại Biên bản xác minh ngày 06/4/2018 của UBND xã An Phú Tây, bà Dương Thị Ngọc T đã thực hiện các hành vi vi phạm hành chính về trật tự xây dựng (Biên bản xác minh ngày 06/4/2018), như sau:

+ Tổ chức thi công xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ tại đô thị không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng, cụ thể: Kết

cầu: Cột gạch, vách gạch + tole, mái tole, diện tích vi phạm: $5m \times 8m = 40m^2$.
Hiện trạng: Đang thi công.

+ Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp (CLN-Đất trồng cây lâu năm) sang đất phi nông nghiệp mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép, diện tích vi phạm: $5m \times 8m = 40m^2$.

Biên bản có nội dung đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Do không thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND cấp xã nên hồ sơ vi phạm hành chính của Bà T được chuyển đến người có thẩm quyền là Chủ tịch UBND huyện Bình Chánh để xử phạt vi phạm hành chính. Chủ tịch UBND huyện Bình Chánh ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính vào ngày 18/4/2018 là đúng thời hạn quy định tại Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Quyết định số 126/QĐ-XPVPHC ban hành theo quy định tại Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính nên đúng về thủ tục và hình thức.

Quyết định số 559/QĐSDXPVPHC được ban hành trên cơ sở Biên bản xác minh số 06/BB-XM do UBND xã An Phú Tây lập ngày 06/8/2017, Công văn số 228/UBND ngày 17/8/2019 của UBND xã An Phú Tây và Tờ trình số 5648/TTr-QLĐT ngày 13/8/2019 của Phòng quản lý đô thị huyện Bình Chánh nên quyết định này được ban hành đúng trình tự, thủ tục.

[2.2] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 126/QĐXPVPHC:

[2.2a] Về việc xác định các hành vi vi phạm hành chính.

[2.2a1] Tại thời điểm lập Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC, Bà T đang tổ chức thi công công trình có kết cấu: Cột gạch, vách gạch + tole, mái tole, diện tích vi phạm: $5m \times 8m = 40m^2$.

Tại Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: *“Các công trình xây dựng trên 03 thửa đất gồm: 01 căn nhà tường xây, lợp tôn, 01 căn nhà cột gỗ, mái tôn không vách, nền bê tông, 02 phòng vệ sinh nhỏ, một mái lá vách lá, có đường bê tông dẫn vào công trình; xem xét cụ thể công trình bị xử phạt vi phạm hành chính: diện tích $40m^2$ ($5m \times 8m$), tường xây độ cao từ 3,5m – 4,6m mái tôn (có độ dốc); bên trong có 02 phòng, nền gạch men có hệ thống điện nước”*.

Theo đó, có đủ cơ sở xác định công trình xây dựng của bà Dương Thị Ngọc T là công trình xây dựng có công năng là để ở theo quy định tại khoản 29 Điều 3 Luật Xây dựng quy định: *“Nhà ở riêng lẻ là công trình được xây dựng trong khuôn viên đất ở thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật”*.

[2.2a2] Đồng thời, tại thời điểm lập Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC, Bà T đã chuyển mục đích sử dụng đất mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép (chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp (CLN-Đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp) để tổ chức thi công xây dựng công trình tại một phần các thửa đất số 129, 641, 645, tờ bản đồ số 49 (BĐĐC), tổ 2, ấp 2, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, các thửa đất này có mục đích sử dụng đất là đất nông nghiệp (CLN-Đất trồng cây lâu năm) được xác định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00413/7013939 ngày 12/6/2007, số H00624/7013939 ngày 14/3/2008 và số H00724/7013939 ngày 31/7/2008 do UBND huyện Bình Chánh cấp.

[2.2a3] Theo đó, tại Quyết định số 126/QĐXPVPHC, UBND huyện Bình Chánh đã xử phạt vi phạm hành chính đối với Bà T do đã thực hiện các hành vi: Tổ chức thi công xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ tại đô thị không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng, cụ thể: Kết cấu: Cột gạch, vách gạch + tole, mái tole, diện tích vi phạm: $5\text{m} \times 8\text{m} = 40\text{m}^2$, hiện trạng: đang thi công; chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp (CLN-Đất trồng cây lâu năm) sang đất phi nông nghiệp mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép, diện tích vi phạm: $5\text{m} \times 8\text{m} = 40\text{m}^2$, là có căn cứ.

Qua đó xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định công trình xây dựng của Bà T như trên chưa đủ điều kiện là “Nhà ở riêng lẻ” mà là “Công trình khác”, là không đúng.

[2.2b] Về hình thức xử phạt:

Do Bà T đã thực hiện các hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ tại đô thị không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng nên Quyết định số 126/QĐXPVPHC đã phạt tiền đối với hành vi vi phạm này với số tiền phạt 25.000.000 đồng là đúng quy định điểm b khoản 5 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ.

Đồng thời, Quyết định số 126/QĐXPVPHC đã phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính Bà T đã thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp (CLN-Đất trồng cây lâu năm) sang đất phi nông nghiệp mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép với số tiền 1.500.000 đồng là đúng quy định điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ.

Qua đó xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định hủy toàn bộ phần phạt tiền tại Quyết định số 126/QĐXPVPHC là không đúng.

[2.2c] Về biện pháp khắc phục hậu quả.

Do bà Dương Thị Ngọc T đã thực hiện các hành vi vi phạm hành chính nêu trên nên Quyết định số 126/QĐXPVPHC buộc Bà T phải tháo dỡ phần diện tích công trình xây dựng không có giấy phép xây dựng là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính và điểm d khoản 11 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ. Đồng thời, buộc Bà T phải khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm là đúng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 /11/2014 của Chính phủ.

[2.3] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 559/QĐSDXPVPHC.

Căn cứ Biên bản xác minh số 06/BB-XM do UBND xã An Phú Tây lập ngày 06/8/2017, Công văn số 228/UBND ngày 17/8/2019 của UBND xã An Phú Tây và Tờ trình số 5648/TTr-QLĐT ngày 13/8/2019 của Phòng quản lý đô thị huyện Bình Chánh, Chủ tịch UBND huyện Bình Chánh nhận thấy Quyết định số 126/QĐXPVPHC đã xác định sai thửa đất vi phạm nên đã ban hành Quyết định số 559/QĐSDXPVPHC sửa đổi, bổ sung cho đúng địa chỉ vi phạm tại một phần thửa 129, tờ bản đồ số 49 (tài liệu BĐĐC), tổ 2, ấp 2, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, đủ cơ sở xác định Quyết định số 126/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2018 và Quyết định số 559/QĐSDXPVPHC ngày 14/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện Bình Chánh là hợp pháp và có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, bác kháng cáo của Bà T, chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện Bình Chánh và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà T.

[4] Do sửa bản án hành chính sơ thẩm nên theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ nộp án phí hành chính sơ thẩm:

Người khởi kiện bà Dương Thị Ngọc T phải nộp án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Luật tố tụng Hành chính và Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Những ý kiến, quan điểm đề nghị của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện tại phiên tòa phúc thẩm do phù hợp với phân tích và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện bà Dương Thị Ngọc T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Do kháng cáo được chấp nhận nên người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Bình Chánh không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 của Luật tổ tụng Hành chính.

1- Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Dương Thị Ngọc T; chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Bình Chánh và chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 1433/2019/HC-ST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, Điều 193, Điều 206, khoản 1 Điều 348, Điều 358 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 29 Điều 3 và khoản 1 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 38, Điều 66, khoản 2 Điều 67, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ điểm b khoản 5, điểm d khoản 11 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 và điểm a khoản 3, điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ.

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Ngọc T về việc yêu cầu hủy các Quyết định số 126/QĐ-XPVPHC ngày 18/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 559/QĐ-SĐXPVPHC ngày 14/8/2019 về sửa đổi bổ sung quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Người khởi kiện bà Dương Thị Ngọc T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0049858 ngày 05/10/2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; Bà T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

2- Án phí hành chính phúc thẩm:

+ Bà Dương Thị Ngọc T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: AA/2019/0024962 ngày 13/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; Bà T đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

+ Hoàn trả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: AA/2019/0092295 ngày 17/8/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án là ngày 13 tháng 01 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP.HCM (1);
- Tòa án nhân dân TP.HCM (1);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VT(6) HS(1) (PTHH-14).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thanh